

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2024
V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương –
Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham
gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 365/2023/TLST-
HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly
hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 601/2023/QĐXXST-HN ngày 19
tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày
09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1988; cư trú: Tổ A, ấp P, xã P,
huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1989; cư trú: Tổ D, ấp A, xã K, huyện A,
tỉnh An Giang.

(Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình
tố tụng tại Tòa án, ông Trần Văn P trình bày: Hôn nhân giữa ông P và bà T do tự
tìm hiểu yêu thương về chung sống như vợ chồng vào năm 2009, không có tổ chức
lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông P và bà T làm nghề
mua bán tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh
phúc. Đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ
chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi chuyện tiền nong, không
tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình nên bà T còn tự ý bỏ về nhà
mẹ ruột để sinh sống, vợ chồng ông P và bà T đã ly thân năm 2019 cho đến nay.

Từ khi ly thân đến nay, ông P và bà T không còn liên lạc hỏi thăm nhau, gia đình hai bên cũng không khuyên ngăn, hàn gắn tình cảm do để con cái tự quyết định. Tình cảm vợ chồng không còn nên ông P yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Trần Thị Q, sinh ngày 29/6/2011. Hiện cháu Q đang sống cùng bà T và do bà T nuôi dạy. Sau khi ly hôn, ông P đồng ý để bà T tiếp tục nuôi dạy cháu U, ông P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì bà T vắng mặt, Hội đồng xét xử nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2023, người thân ông P cung cấp: Ông P và bà T do tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay nên bà nghĩ khả năng hàn gắn là không thể; về con chung thì có 01 con chung, hiện do bà T nuôi dạy; tài sản chung, nợ chung thì bà không biết.

Biên bản sự việc ngày 15/12/2023, ông Lê Quốc T1 - Phó ấp A, xã K, huyện A cung cấp: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1984 vẫn còn sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên tại thời điểm Tòa án đến nhà bà T để ghi lời khai về yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn P thì bà T và cháu Q không có ở nhà nên không thể ghi lời khai của bà T và cháu Q được.

Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Công an xã K cung cấp ngày 18/12/2023, bà Lâm Thị T, sinh năm 1984, hiện đăng ký thường trú tại ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên toà: Ông P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà T sống chung từ năm 2009 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Trần Văn P và bà Lâm Thị T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Các con chung đang sinh sống cùng bà T và ông P cũng đồng ý để con chung tiếp tục sống với bà T, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P, giao con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do bà T vắng mặt, Tòa án không ghi nhận ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, nếu bà T có yêu cầu về mức cấp dưỡng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Trần Văn P yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Thị T. Bà T cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà T theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của ông P và bà T do tự tìm hiểu yêu thương tiến tới hôn nhân vào năm 2009. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng ông P xác định từ khi chung sống đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông phù hợp với Giấy xác nhận số 25/GXN-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông P và bà T là quan hệ vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Có 01 con chung: Cháu Trần Thị Q, sinh ngày 29/6/2011. Hiện cháu Q đang sống cùng bà T và do bà T nuôi dạy. Xét thấy, cháu Q hiện đang sống với bà T và ông P cũng đồng ý để bà T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Q cho bà T được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do bà T vắng mặt, Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà T về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Q nên không đề cập xem xét, nếu bà T có yêu cầu về mức cấp dưỡng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông P xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì các đương sự có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Ông P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn P và bà Lâm Thị T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà Lâm Thị T được tiếp tục nuôi dạy 01 (một) con chung tên Trần Thị Q, sinh ngày 29/6/2011, ông P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông P cùng các thành viên gia đình phải tôn trọng quyền trực tiếp nuôi con của bà T. Ngược lại, bà T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Ông Trần Văn P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng mà ông P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số: 0008611 ngày 23/10/2023.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang